

Số: /KH- SLĐTBXH

Cao Bằng, ngày tháng 03 năm 2022

KẾ HOẠCH THANH TRA
Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho
hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ công văn số 3270/LĐTBXH-TTr ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Thanh tra Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác thanh tra năm 2022;

Căn cứ công văn số 886/TTr-GSKT ngày 29/11/2021 của Thanh tra tỉnh Cao Bằng về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra 2022;

Thực hiện Quyết định số 288 /QĐ-SLĐTBXH, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2022;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch thanh tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm đánh giá tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn trong những năm qua của địa phương. Tham mưu, đề xuất giải pháp thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo phù hợp điều kiện thực tế địa phương với các cơ quan có thẩm quyền nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Kiến nghị, xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Thực hiện công tác thanh tra phải nghiêm túc, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, đúng đối tượng, nội dung, đúng quy định của pháp luật.

- Đoàn thanh tra và các đối tượng được thanh tra thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

- Kết quả thanh tra phản ánh đầy đủ, chính xác việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; kiến nghị các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của các đơn vị được thanh tra; đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách; kiến nghị xử lý kịp thời các hành vi, vi phạm (nếu có).

- Kết luận thanh tra phải đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.

II. NỘI DUNG THANH TRA

1. Phạm vi và đối tượng thanh tra:

- Việc tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của các cơ quan quản lý nhà nước về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Đối tượng thanh tra: Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, Ban Giảm nghèo cấp xã và một số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn được thanh tra.

2. Nội dung:

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đề cương gửi kèm Kế hoạch thanh tra.

3. Thời kỳ, thời gian tổ chức thanh tra:

- Thời kỳ thanh tra: 03 năm, từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021.

- Thời gian tiến hành thanh tra: Kể từ ngày công bố Quyết định thanh tra, (thời gian cụ thể đoàn thanh tra sẽ thông báo bằng văn bản).

TT	Nội dung công việc	T. gian thực hiện	Đơn vị được Thanh tra
	Thanh tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Tháng 4 Tháng 6 Tháng 6 Tháng 7 Tháng 8 Tháng 8 Tháng 9 Tháng 9	Huyện Thạch An Thành phố. Huyện Hòa An Huyện Hạ Lang Huyện Hà Quảng Huyện Trùng Khánh Huyện Quảng Hòa Huyện Bảo Lâm

4. Thành phần Đoàn Thanh tra:

- Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Trưởng đoàn

- Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phó trưởng đoàn

- Phòng Bảo trợ xã hội, sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Thành viên

III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH THANH TRA:

1. Phương pháp thanh tra

a) Đối với đơn vị được thanh tra

- Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, Ban Giảm nghèo cấp xã báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm

nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. (theo nội dung đề cương và những nội dung khác có liên quan, nếu cần báo cáo thêm).

- Chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ, văn bản chứng từ liên quan.
- Cung cấp các tài liệu khác (nếu có yêu cầu của đoàn thanh tra).
- Tham gia cùng Đoàn xác minh các hộ gia đình và các cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

b) Đoàn thanh tra

- Công bố Quyết định thanh tra, thông qua kế hoạch tiến hành thanh tra.
- Tiếp nhận, kiểm tra, rà soát sổ sách, hồ sơ, tài liệu liên quan việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chứng từ, hồ sơ khác có liên quan theo nội dung đề cương thanh tra tại đơn vị.
- Tiến hành kiểm tra xác minh trực tiếp tại các hộ gia đình và các cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ (*có lịch tổ chức xác minh riêng*).
- Lập biên bản ghi nhận kết quả thực hiện của đơn vị.
- Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra.
- Tham mưu cho Giám đốc Sở ban hành kết luận thanh tra, tổ chức công bố, công khai kết luận thanh tra theo đúng quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, Ban Giảm nghèo cấp xã chuẩn bị báo cáo, các hồ sơ chứng từ liên quan theo đề cương thanh tra.
- Đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra theo quy định Luật Thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan, đảm bảo tiến độ, thời gian thanh tra đã đề ra.
- Chủ động thông tin, báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Sở hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Thành viên tiến hành thanh tra: Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 09, Điều 53 của Luật Thanh tra; thành viên đoàn thanh tra có trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 09, Điều 54 của Luật Thanh tra.
- Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cuộc thanh tra: Sử dụng nguồn ngân sách chi thường xuyên để thanh toán phương tiện đi lại trong quá trình thanh tra, chế độ công tác phí chi theo quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu đơn vị có vướng mắc đề nghị liên hệ với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (ĐT 02063.854.040)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo sở LĐTBXH (chỉ đạo);
- UBND các huyện, TP (chỉ đạo);
- Phòng Bảo trợ xã hội (P/h);
- Phòng KHTC, VP sở;
- Phòng Lao động - TBXH các huyện, TP;
- Công thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, TTr.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Mỹ Hảo

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Theo Kế hoạch số /KH- SLĐT BXH ngày tháng 3 năm 2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng)

(Đề cương báo cáo cấp huyện)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Tên cơ quan xây dựng báo cáo

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC...

Yêu cầu đơn vị được thanh tra chuẩn bị báo cáo bằng văn bản (từ tháng 01 năm 2019 đến thời điểm 31/12/2021) theo các nội dung như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG

- Điều kiện tự nhiên, dân số.
- Số đơn vị hành chính cấp xã.
- Những yếu tố tác động trực tiếp làm phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

1. Công tác ban hành văn bản của HĐND, UBND cấp huyện trong việc triển khai chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo; văn bản hướng dẫn của các cơ quan trực thuộc UBND cấp huyện (*lập danh mục văn bản*)

2. Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện

- Thành phần Ban Chỉ đạo
- Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo
- Số đơn vị cấp xã đã thành lập Ban quản lý cấp xã

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách giảm nghèo

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến.
- Hình thức tuyên truyền, phổ biến.

4. Công tác tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo

- Nội dung tập huấn.
- Tổng kinh phí thực hiện (theo từng năm).
- Kết quả tập huấn (số lớp, số người được tập huấn).

5. Chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến chính sách hỗ trợ giảm nghèo

6.1. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (số cuộc, nội dung thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các kiến nghị; biện pháp khắc phục kiến các nghị).

- Cơ quan chức năng cùng cấp tiến hành thanh tra, kiểm tra (số cuộc, nội dung thanh tra, kiểm tra, các kiến nghị; biện pháp khắc phục các kiến nghị).

6.2. Giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo

- Số đơn đã nhận.

- Số đơn đã giải quyết dứt điểm.

- Số đơn đang giải quyết.

- Số đơn chưa giải quyết (nêu rõ nguyên nhân).

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai và kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo.

III. CÔNG TÁC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Ban hành kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

2. Kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm (nếu có).

3. Ban hành quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

4. Việc bố trí kinh phí phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

5. Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019, 2020, 2021 (*theo Biểu số 01, 2.1, 2.2, 2.3, 3.1. 3.2, 3.3, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6*).

6. Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm về UBND tỉnh.

IV. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN

1. Hỗ trợ về y tế (*theo Biểu số 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.7*).

2. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo (*theo Biểu số 6.1, 6.2, 6.3, 6.4*).

3. Hỗ trợ về nhà ở (*theo Biểu số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4*).

4. Hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (*theo Biểu số 8.1, 8.2, 8.3, 8.4*).

5. Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý (*theo Biểu số 9.1, 9.2, 9.3, 9.4*).

6. Hỗ trợ điều kiện tiếp cận thông tin, tuyên truyền (*theo Biểu số 10.1, 10.2, 10.3, 10.4*).

7. Hỗ trợ về tiền điện (*theo Biểu số 11.1, 11.2, 11.3, 11.4*).

8. Hỗ trợ ưu đãi vay vốn tín dụng (*theo Biểu số 12.1, 12.2*).

Lưu ý: Mỗi chính sách hỗ trợ, nêu rõ quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ, kế hoạch tổ chức thực hiện, quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ, kết quả hỗ trợ.

Số liệu thực hiện chính sách giảm nghèo căn cứ theo kết quả phê duyệt của cuối năm trước (số liệu năm 2019 căn cứ kết quả phê duyệt cuối năm 2018, năm 2020 căn cứ kết quả phê duyệt cuối năm 2019, năm 2021 căn cứ kết quả phê duyệt cuối năm 2020).

V. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

1. Việc ban hành văn bản chỉ đạo triển khai công tác hỗ trợ (**lập danh mục văn bản**)

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan.

3. Chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan trực thuộc UBND cấp huyện.

4. Trách nhiệm của các cơ quan trực thuộc UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện.

5. Vai trò Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cấp huyện trong việc giám sát triển khai, thực hiện hỗ trợ.

6. Kết quả thực hiện hỗ trợ: số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ; số kinh phí hỗ trợ đối với nhóm đối tượng này (**theo Biểu số 13**).

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID.

7.1. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (số cuộc, nội dung thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các kiến nghị; biện pháp khắc phục kiến các nghị).

- Cơ quan chức năng cùng cấp tiến hành thanh tra, kiểm tra (số cuộc, nội dung thanh tra, kiểm tra, các kiến nghị; biện pháp khắc phục các kiến nghị).

7.2. Giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo

- Số đơn đã nhận

- Số đơn đã giải quyết dứt điểm

- Số đơn đang giải quyết

- Số đơn chưa giải quyết (nêu rõ nguyên nhân)

8. Kinh phí hỗ trợ

8.1. Kinh phí Trung ương

8.2. Kinh phí địa phương

- Kinh phí cấp tỉnh

- Kinh phí cấp huyện

- Kinh phí cấp xã

8.3. *Kinh phí huy động*

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID.

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ

1. Thuận lợi

2. Khó khăn, vướng mắc

3. Kiến nghị

- Về sửa đổi, bổ sung chính sách (nếu có).

- Về tổ chức thực hiện chính sách tại địa phương.

CƠ QUAN XÂY DỰNG BÁO CÁO

(Đề cương báo cáo cấp xã)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

Tên cơ quan xây dựng báo cáo

Số: /BC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Việc thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo

Yêu cầu đơn vị được thanh tra chuẩn bị báo cáo bằng văn bản (từ tháng 01 năm 2019 đến 31/12/2021) theo các nội dung như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG

- Điều kiện tự nhiên, dân số.
- Số thôn (khu dân cư) trên địa bàn.
- Những yếu tố tác động trực tiếp làm phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO.

1. Văn bản của HĐND, UBND cấp xã trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn (*lập danh mục văn bản*)

2. Thành lập, kiện toàn Ban quản lý cấp xã

- Thành phần Ban quản lý
- Quy chế hoạt động của Ban quản lý

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ

- Hình thức tuyên truyền, phổ biến.
- Nội dung tuyên truyền, phổ biến.

4. Việc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo cấp xã

- Số lượng cán bộ.
- Tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo.
- Chế độ phụ cấp.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến chính sách hỗ trợ giảm nghèo

5.1. Công tác thanh tra, kiểm tra (theo từng năm)

- Năm 2019, 2020, 2021 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra (số cuộc, nội dung thanh tra kiểm tra, các kiến nghị, biện pháp khắc phục).

- Hoạt động tự kiểm tra (số cuộc, nội dung kiểm tra, các kiến nghị, biện pháp khắc phục).

5.2. Giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo (theo từng năm)

- Số đơn đã nhận.
- Số đơn đã giải quyết dứt điểm.

- Số đơn đang giải quyết.
- Số đơn chưa giải quyết (nêu rõ nguyên nhân).

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai và kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ.

III. CÔNG TÁC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Rà soát thường xuyên

1.1. Quy trình rà soát.

1.2. Ban hành quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh.

1.3. Ban hành quyết định công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

1.4. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (hộ phát sinh, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo) do Chủ tịch UBND cấp xã ký quyết định công nhận trong năm 2019, 2020, 2021 (*theo Biểu số 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7*).

1.5. Tổng hợp kết quả rà soát thường xuyên, báo cáo UBND huyện (theo tháng).

1.6. Kinh phí phục vụ công tác rà soát.

2. Rà soát định kỳ hàng năm

2.1. Ban hành kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm.

2.2. Quy trình rà soát.

2.3. Phúc tra kết quả rà soát (nếu có).

2.4. Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt.

2.5. Cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo danh sách được phê duyệt.

2.6. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019, 2020, 2021 (*theo Biểu số 2, 3.1, 3.2, 3.3 4.1, 4.2, 4.3*).

2.7. Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm về UBND huyện.

IV. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO

1. Hỗ trợ về y tế (*theo Biểu số 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.7, 5.8*).

2. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo (*theo Biểu số 6.1, 6.2, 6.3, 6.4*).

3. Hỗ trợ về nhà ở (*theo Biểu số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4*).

4. Hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (*theo Biểu số 8.1, 8.2, 8.3, 8.4*).

5. Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý (*theo Biểu số 9.1, 9.2, 9.3, 9.4*).

6. Hỗ trợ điều kiện tiếp cận thông tin, tuyên truyền (*theo Biểu số 10.1, 10.2, 10.3, 10.4*).

7. Hỗ trợ về tiền điện (*theo Biểu số 11.1, 11.2, 11.3, 11.4*).

8. Hỗ trợ ưu đãi vay vốn tín dụng (*theo Biểu số 12.1, 12.2*).

Lưu ý: Mỗi chính sách hỗ trợ, nêu rõ quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ, kế hoạch tổ chức thực hiện, quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ, kết quả hỗ trợ.

Số liệu thực hiện chính sách giảm nghèo căn cứ theo kết quả phê duyệt của cuối năm trước (số liệu năm 2019 căn cứ kết quả phê duyệt cuối năm 2018, năm 2020 căn cứ kết quả phê duyệt cuối năm 2019, năm 2021 căn cứ kết quả phê duyệt cuối năm 2020).

V. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

1. Việc ban hành văn bản chỉ đạo triển khai công tác hỗ trợ (*lập danh mục văn bản*).

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan.

3. Trách nhiệm các đơn vị giúp việc trong việc triển khai thực hiện.

4. Vai trò Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cấp xã trong việc giám sát triển khai, thực hiện hỗ trợ.

5. Kết quả thực hiện hỗ trợ: số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ; số kinh phí hỗ trợ đối với nhóm đối tượng này (*theo Biểu số 13*).

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID.

6.1. Công tác thanh tra, kiểm tra

Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (số cuộc, nội dung thanh tra, kiểm tra, các kiến nghị, biện pháp khắc phục)

6.2. Giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo

- Số đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đã nhận.

- Số đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đã giải quyết dứt điểm.

- Số đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo chưa giải quyết, nguyên nhân.

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID.

8. Kinh phí hỗ trợ:

- Kinh phí Trung ương

- Kinh phí địa phương

+ Kinh phí cấp tỉnh

+ Kinh phí cấp huyện

+ Kinh phí cấp xã

- Kinh phí huy động

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ

1. Thuận lợi

2. Khó khăn, vướng mắc

3. Kiến nghị

- Về sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách (nếu có).

- Về tổ chức thực hiện chính sách tại địa phương.

CƠ QUAN XÂY DỰNG BÁO CÁO

*** Lưu ý: Khi Đoàn kiểm tra đến làm việc đề nghị UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường và các phòng, ban liên quan cần chuẩn bị trước một số hồ sơ, tài liệu sau:**

- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện, cấp xã;
- Quy chế hoạt động, làm việc của Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện, cấp xã;
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND, Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện, thành phố, cấp xã, phường liên quan đến công tác giảm nghèo, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn từ 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021;
- Hồ sơ, danh sách xét duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 và năm 2021.
- Hệ thống sổ, sách, biểu mẫu quản lý, theo dõi hộ nghèo; in ấn, cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương.
- Các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo địa phương đã xây dựng, phê duyệt và thực hiện trong năm 2019 và năm 2021.
- Quyết định và danh sách phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 để thực hiện trong năm 2020 và năm 2020 để thực hiện trong năm 2021.
- Hồ sơ, danh sách xét duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID được hỗ trợ theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Các loại chứng từ thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo và hỗ trợ dịch Covid -19 của cấp huyện, thành phố, cấp xã, phường.
- Đơn thư và kết quả giải quyết đơn thư liên quan đến rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo và hỗ trợ dịch Covid -19 trên địa bàn thành phố, cấp xã, phường....